

TỔNG CÔNG TY THÀNH AN
CÔNG TY CPXL THÀNH AN 96

Số: 129/CTCP-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 14 Thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán, Công ty CPXL Thành An 96 thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Tên tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96
- Mã chứng khoán : TA9
- Địa chỉ : Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại : 0236.3615.333 Fax: 0236.3615.334
- Email: Taichinh96@gmail.com Website: www.thanhan96.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2024:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc); ☐

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con); ☐

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng). ☒

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày /03/2025 tại đường dẫn www.thanhhan96.vn

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024: Không có

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%):

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC;

- Văn bản giải trình.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trịnh Thị Thu Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96, tiền thân là Công ty Xây lắp 96 trực thuộc Tổng Công ty Thành An (Bình đoàn 11), được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25/10/2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0400100545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/01/2008, thay đổi Đăng ký doanh nghiệp các lần và lần thứ mười một (11) ngày 05/3/2025 về thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ mười một (11) ngày 05/3/2025 là: 124.197.870.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Thanh An 96 Installation and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là: Continta 96 Jsc.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: TA9.

Trụ sở chính của Công ty: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Xuân Bằng	Chủ tịch
Ông Đặng Đình Khiêm	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Đức Trú	Thành viên
Bà Trịnh Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Hà	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Diệu Thúy	Trưởng ban
Ông Lâm Văn Công	Thành viên
Bà Mai Tổ Loan	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Đình Khiêm	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/3/2025)
	Phó Giám đốc (Đến ngày 01/3/2025)
Ông Hoàng Đức Trú	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/3/2025)
Ông Phạm Văn Lê	Phó Giám đốc
Ông Trần Đình Ba Tì	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kháng	Phó Giám đốc
Bà Trịnh Thị Thu Hương	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoài sự kiện đã nêu tại mục 7.2 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc Công ty,



Đặng Đình Khiêm
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Số: 200/2025/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96, được lập ngày 27/3/2025, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Vũ Xuân Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.801.165.413.659	2.130.749.540.885
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	226.385.365.832	632.810.405.642
1. Tiền	111		131.385.365.832	267.810.405.642
2. Các khoản tương đương tiền	112		95.000.000.000	365.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		632.767.077.834	842.148.568.735
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	404.761.745.463	561.191.631.181
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	11.020.101.766	30.389.851.665
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.5	91.279.971.392	91.936.777.025
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	8.000.000.000	12.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	130.797.272.275	162.628.705.553
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(13.092.013.062)	(15.998.396.689)
IV. Hàng tồn kho	140	5.9	839.777.179.273	582.752.891.720
1. Hàng tồn kho	141		839.777.179.273	582.752.891.720
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		102.235.790.720	68.037.674.788
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	2.955.253.486	284.799.091
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		70.080.882.389	57.321.908.991
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	29.199.654.845	10.430.966.706
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		152.056.614.996	95.999.765.454
II. Tài sản cố định	220		143.676.652.697	86.831.620.533
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	139.765.577.397	82.920.545.233
- Nguyên giá	222		259.427.002.379	174.690.401.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(119.661.424.982)	(91.769.856.105)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	3.911.075.300	3.911.075.300
- Nguyên giá	228		8.455.853.078	8.455.853.078
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.544.777.778)	(4.544.777.778)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.379.962.299	9.168.144.921
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	8.379.962.299	9.168.144.921
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.953.222.028.655	2.226.749.306.339

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.788.170.160.002	2.067.558.228.076
I. Nợ ngắn hạn	310		1.760.311.605.750	2.050.256.228.076
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	827.149.304.073	757.620.570.380
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	557.536.647.658	869.916.843.917
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	3.336.218.061	3.408.231.223
4. Phải trả người lao động	314		40.757.854.959	39.835.910.483
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	104.141.433.785	97.853.164.287
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	222.048.411.739	277.820.774.585
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.341.735.475	3.800.733.201
II. Nợ dài hạn	330		27.858.554.252	17.302.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	27.679.000.000	17.302.000.000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		179.554.252	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		165.051.868.653	159.191.078.263
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	165.051.868.653	159.191.078.263
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		124.197.870.000	124.197.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		124.197.870.000	124.197.870.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.261.767.489	20.013.970.966
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.592.231.164	14.979.237.297
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.592.231.164	14.979.237.297
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.953.222.028.655	2.226.749.306.339
(440 = 300+400)				

Người lập



Nguyễn Long An

Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Thơm

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Giám đốc 



Đặng Đình Khiêm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.455.603.546.641	2.843.811.093.744
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		3.455.603.546.641	2.843.811.093.744
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.314.045.431.975	2.727.740.503.600
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		141.558.114.666	116.070.590.144
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.914.221.096	19.219.986.826
7. Chi phí tài chính	22	6.4	13.545.877.342	13.311.520.231
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.545.877.342	13.311.520.231
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	98.131.436.049	93.232.340.166
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		34.795.022.371	28.746.716.573
11. Thu nhập khác	31	6.6	291.407.616	243.076.901
12. Chi phí khác	32	6.6	491.518.450	227.272.727
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(200.110.834)	15.804.174
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		34.594.911.537	28.762.520.747
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	7.530.914.690	5.752.504.149
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		27.063.996.847	23.010.016.598
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.678	1.537

Người lập

Kế toán trưởng

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Long An



Hoàng Xuân Thơm



Đặng Đình Khiêm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.594.911.537	28.762.520.747
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		27.891.568.877	12.942.006.090
- Các khoản dự phòng	03		(2.906.383.627)	1.375.818.080
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.914.221.096)	(19.227.299.709)
- Chi phí lãi vay	06		13.545.877.342	13.311.520.231
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		68.211.753.033	37.164.565.439
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		176.381.473.267	(346.153.390.917)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(257.024.287.553)	(373.128.379.425)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(233.968.923.869)	368.985.577.732
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.882.271.773)	(1.364.246.534)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.545.877.342)	(13.311.520.231)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.087.592.365)	(3.181.895.707)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.678.941.061)	(3.471.653.133)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(275.594.667.663)	(334.460.942.776)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(84.736.601.041)	(66.124.053.338)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	620.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.000.000.000	9.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.292.960.820	19.236.740.252
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(70.443.640.221)	(37.267.313.086)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		707.842.567.632	621.788.044.066
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(753.237.930.478)	(372.240.314.743)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.991.369.080)	(13.164.974.220)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(60.386.731.926)	236.382.755.103
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> (50 = 20+30+40)	50		(406.425.039.810)	(135.345.500.759)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		632.810.405.642	768.155.906.401
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	226.385.365.832	632.810.405.642

Người lập

Kế toán trưởng

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Long An



Hoàng Xuân Thơm



Đặng Đình Khiêm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96, tiền thân là Công ty Xây lắp 96 trực thuộc Tổng Công ty Thành An (Binh đoàn 11), được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25/10/2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0400100545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/01/2008, thay đổi Đăng ký doanh nghiệp các lần và lần thứ mười một (11) ngày 05/3/2025 về thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Thanh An 96 Installation and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là: Continta 96 Jsc.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần mười một (11) ngày 05/3/2025 là: 124.197.870.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng), tương đương 12.419.787 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: TA9.

Trụ sở chính: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 3.360 người (tại ngày 31/12/2023 là 3.120 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh: Xây dựng nhà các loại; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, kiểm định thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán lẻ ô tô con; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời; Vệ sinh chung nhà cửa; Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ đồ uống; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng-công nghiệp-giao thông(đường bộ); Đại lý du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Giáo dục nghề nghiệp; Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động thiết kế chuyên dụng (chi tiết: hoạt động trang trí nội thất); Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú; Dịch vụ tắm hơi, matxa và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao), chi tiết là hoạt động tắm hơi, matxa; Địa điểm sản xuất, khai thác, sửa chữa, cưa xẻ gỗ ngoài địa bàn TP Đà Nẵng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công xây lắp các công trình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Xí nghiệp Xây lắp 36 (tên cũ là Xí nghiệp xây lắp 33): Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 213, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 54: Số 88 Nguyễn Chánh, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 74: Số 96B Trần Phú, phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Xí nghiệp Xây lắp 79: Số 699 Vũ Tông Phan, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Quảng Trị: Số 34 Nguyễn Du, phường 5, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Chi nhánh Hà Nội: Số 86A ngách 358/25 Bùi Xương Trạch, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
- Chi nhánh Miền Nam: 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Đà Nẵng: Chấm dứt hoạt động theo Thông báo số 10057/24 ngày 11/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	08 - 30
Máy móc và thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	04 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

- Quyền khai thác mỏ đá: Là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty chi ra liên quan đến quyền khai thác mỏ đá.
- Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao chi tiết như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền khai thác tại mỏ đá Suối Mơ	07
Phần mềm kế toán	03
Quyền sử dụng 3.775 m ² đất tại Núi Thành, Quảng Nam	08
Quyền sử dụng đất lâu dài tại 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh	Không trích khấu hao

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông và trích các quỹ sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn xây lắp được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xây lắp trên địa bàn duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	8.611.601.940	2.694.573.536
Tiền gửi ngân hàng	122.773.763.892	265.115.832.106
Các khoản tương đương tiền	95.000.000.000	365.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng (*)</i>	<i>95.000.000.000</i>	<i>365.000.000.000</i>
Tổng	226.385.365.832	632.810.405.642

(*) Bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - CN Ngũ Hành Sơn, thời hạn 01 tháng, lãi suất 4%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000

*Đơn vị tính: VND***5.3 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	404.761.745.463	561.191.631.181
BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp (TP HCM)	41.528.514.761	156.605.606.794
Phải thu các khách hàng khác	363.233.230.702	404.586.024.387
Tổng	404.761.745.463	561.191.631.181

*Trong đó: phải thu là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

1.989.609.374 3.876.970.983

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	11.020.101.766	30.389.851.665
Công ty CP đầu tư XD Sơn Thành An	3.301.457.504	10.307.452.000
Công ty CP ĐTXD và DV TM PNT	2.327.594.369	-
Công ty KTKTCN Quốc Phòng	-	4.421.430.000
Công ty TNHH Trang Minh	2.054.341.170	-
Trả trước cho người bán khác	3.336.708.723	15.660.969.665
Tổng	11.020.101.766	30.389.851.665

5.5 Phải thu nội bộ ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Thành An	91.279.971.392	91.936.777.025
Tổng	91.279.971.392	91.936.777.025
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>91.279.971.392</i>	<i>91.936.777.025</i>

5.6 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ban Quản lý 11S - Tổng Công ty Thành An	8.000.000.000	9.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Trung Anh	-	3.000.000.000
Tổng	8.000.000.000	12.000.000.000
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>8.000.000.000</i>	<i>9.000.000.000</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.7 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	130.797.272.275	-	162.628.705.553	-
Ký cược, ký quỹ	880.519.894	-	231.443.118	-
Tạm ứng	125.243.593.649	-	159.489.720.922	-
Phải thu khác	4.673.158.732	-	2.907.541.513	-
Lãi dự thu	67.397.260	-	446.136.984	-
Công ty TNHH Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Tín Phát	4.163.507.802	-	-	-
Các khoản phải thu khác	442.253.670	-	2.461.404.529	-
Tổng	130.797.272.275	-	162.628.705.553	-

5.8 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi	15.774.113.279	2.682.100.217	21.441.593.110	5.443.196.421
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 6 tháng - 1 năm	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Các đối tượng khác	3.497.059.874	273.272.000	656.447.600	11.347.333.805
Tổng	3.497.059.874	273.272.000	656.447.600	11.347.333.805

5.9 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.393.519.978	-	29.090.749.492	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	835.383.659.295	-	553.662.142.228	-
Tổng	839.777.179.273	-	582.752.891.720	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2024	48.528.099.357	63.602.187.897	60.596.760.811	1.963.353.273	174.690.401.338
Tăng trong năm	34.101.599.153	39.000.344.445	11.634.657.443	-	84.736.601.041
Mua trong năm	-	39.000.344.445	11.634.657.443	-	50.635.001.888
Đầu tư XDCB hoàn thành	34.101.599.153	-	-	-	34.101.599.153
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	82.629.698.510	102.602.532.342	72.231.418.254	1.963.353.273	259.427.002.379
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2024	22.109.873.347	16.386.833.625	52.085.394.291	1.187.754.842	91.769.856.105
Tăng trong năm	3.216.917.930	5.302.893.023	19.022.949.342	348.808.582	27.891.568.877
Khấu hao trong năm	3.216.917.930	5.302.893.023	19.022.949.342	348.808.582	27.891.568.877
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	25.326.791.277	21.689.726.648	71.108.343.633	1.536.563.424	119.661.424.982
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2024	26.418.226.010	47.215.354.272	8.511.366.520	775.598.431	82.920.545.233
Tại 31/12/2024	57.302.907.233	80.912.805.694	1.123.074.621	426.789.849	139.765.577.397

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 32.727.284 VND (tại ngày 01/01/2024 là 178.181.828 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 66.384.638.402 VND (tại ngày 01/01/2024 là 56.147.754.906 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền khai thác mỏ đá	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2024	4.000.000.000	4.311.075.300	144.777.778	8.455.853.078
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	4.000.000.000	4.311.075.300	144.777.778	8.455.853.078
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2024	4.000.000.000	400.000.000	144.777.778	4.544.777.778
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	4.000.000.000	400.000.000	144.777.778	4.544.777.778
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2024	-	3.911.075.300	-	3.911.075.300
Tại 31/12/2024	-	3.911.075.300	-	3.911.075.300

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm 3.775 m² đất rừng sản xuất tại Hồ Lá, thôn Đông Yên, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, thời gian sử dụng đất đến tháng 11/2060 và 156 m² đất sử dụng lâu dài tại địa chỉ 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 4.144.777.778 VND (tại ngày 01/01/2024 là: 4.144.777.778 VND).

5.12 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	2.955.253.486	284.799.091
Chi phí đầu tư mỏ đất Hóc Tra	2.817.753.486	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	137.500.000	284.799.091
Dài hạn	8.379.962.299	9.168.144.921
Chi phí công cụ dụng cụ, máy thi công	2.065.704.850	6.204.298.154
Chi phí sửa chữa	3.688.568.530	405.110.875
Đồ dùng văn phòng	281.604.712	1.629.486.105
Chi phí mỏ đá	929.249.787	929.249.787
Chi phí quyền khai thác Mỏ đất	1.414.834.420	-
Tổng	11.335.215.785	9.452.944.012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	827.149.304.073	827.149.304.073	757.620.570.380	757.620.570.380
Công ty TNHH Phương Anh Nha Trang	34.458.760.790	34.458.760.790	83.297.340.881	83.297.340.881
Phải trả người bán khác	792.690.543.283	792.690.543.283	674.323.229.499	674.323.229.499
Tổng	827.149.304.073	827.149.304.073	757.620.570.380	757.620.570.380

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	557.536.647.658	869.916.843.917
Người mua trả tiền trước khác	557.536.647.658	869.916.843.917
Tổng	557.536.647.658	869.916.843.917

5.15 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	3.408.231.223	20.332.033.304	20.404.046.466	3.336.218.061
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.720.861.751	9.478.548.214	9.087.592.365	3.111.817.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	2.720.861.751	6.975.031.914	6.584.076.065	3.111.817.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	555.882.776	555.882.776	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước (phần báo nợ của các đội thi công)	-	1.947.633.524	1.947.633.524	-
Thuế thu nhập cá nhân	609.248.603	7.266.390.766	7.679.541.208	196.098.161
Thuế tài nguyên	-	71.589.000	51.269.400	20.319.600
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.466.955.450	1.466.955.450	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	78.120.869	2.048.549.874	2.118.688.043	7.982.700
Phải thu	10.430.966.706	2.760.966.392	21.529.654.531	29.199.654.845
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	10.430.966.706	2.760.966.392	21.529.654.531	29.199.654.845

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	104.141.433.785	97.853.164.287
Kinh phí công đoàn	1.122.404.674	1.263.013.732
Bảo hiểm xã hội	172.494.597	114.196.579
Bảo hiểm y tế	2.006.597	45.217.961
Các khoản phải trả, phải nộp khác	102.844.527.917	96.427.909.268
<i>Phải trả cổ tức</i>	<i>57.814.490</i>	<i>70.920.448</i>
<i>Công ty TNHH Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Tín Phát</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>
<i>Tổng công ty Thành An</i>	<i>5.562.539.970</i>	<i>7.055.017.313</i>
<i>Tiền bảo lãnh hợp đồng các công trình</i>	<i>86.285.542.189</i>	<i>79.933.443.534</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>9.438.631.268</i>	<i>7.868.527.973</i>
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.826.747
Tổng	104.141.433.785	97.853.164.287
<i>Trong đó: phải trả các bên liên quan</i>	<i>5.562.539.970</i>	<i>7.055.017.313</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96

Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bình Thuận,
quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Vay	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	222.048.411.739	222.048.411.739	691.822.567.632	747.594.930.478	277.820.774.585	277.820.774.585
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng (1)	73.245.673.029	73.245.673.029	354.701.865.423	397.302.778.785	115.846.586.391	115.846.586.391
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đà Nẵng (2)	148.802.738.710	148.802.738.710	337.120.702.209	350.292.151.693	161.974.188.194	161.974.188.194
Vay dài hạn	27.679.000.000	27.679.000.000	16.020.000.000	5.643.000.000	17.302.000.000	17.302.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng (3)	27.679.000.000	27.679.000.000	16.020.000.000	5.643.000.000	17.302.000.000	17.302.000.000
Tổng	249.727.411.739	249.727.411.739	707.842.567.632	753.237.930.478	295.122.774.585	295.122.774.585

(1): Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT486-TA96 ngày 07/11/2023, văn bản sửa đổi, bổ sung số 01/2023-HĐCV-SĐBS01/NHCT486-TA96 ngày 08/11/2024 giữa ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn và Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 với hạn mức cho vay tối đa 350.000.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022- HĐCVHM/NHCT486-TA96 ngày 18/8/2022; Lãi suất theo từng giấy nhận nợ kể từ thời điểm giải ngân. Thời gian cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 07/11/2023 đến ngày 31/12/2024. Biện pháp đảm bảo bao gồm các tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

(2): Hợp đồng cấp tín dụng số 193516.24.301.50099.TD ngày 06/3/2024 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 với tổng hạn mức cho vay và bảo lãnh là 2.000.000.000.000 VND. Trong đó hạn mức cho vay là 300 tỷ đồng; hạn mức bảo lãnh thanh toán là 100 tỷ đồng; Hạn mức bảo lãnh ngoài thanh toán là 1.800 tỷ đồng. Giá trị HMTD đã bao gồm toàn số dư (các) khoản tín dụng của khách hàng số 129063.23.301.50099.TD ngày 10/5/2023. Thời gian giao kết hợp đồng này đến ngày là 20/2/2025. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây lắp. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi có điều chỉnh theo từng thời kỳ và được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay: 9 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Biện pháp đảm bảo là các động sản, quyền tài sản phát sinh trong các hợp đồng thi công xây dựng công trình, kèm theo danh sách cụ thể trong hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96

Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bình Thuận,
quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(3) Bao gồm các hợp đồng vay:

- Giấy nhận nợ số 01 với số tiền: 1.725.000.000 VND và Giấy nhận nợ số 02 với số tiền 8.805.000.000 VND kèm theo hợp đồng cho vay từng lần số 01/2023-HĐCVTL/NHCT846-TA96 ngày 07/8/2023 giữa CTCP Xây lắp Thành an 96 và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn. Số tiền cam kết cho vay: 10.530.000.000 VND; thời hạn cho vay: 60 tháng; lãi suất kỳ tính lãi đầu tiên là 8,7% và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giấy nhận nợ số 01 kèm theo hợp đồng cho vay từng lần số 02/2023-HĐCVTL/NHCT846-TA96 ngày 23/11/2023 giữa CTCP Xây lắp Thành An 96 và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn. Số tiền: 7.600.000.000 VND; thời hạn cho vay: 60 tháng; lãi suất kỳ tính lãi đầu tiên là 8,5% và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua máy xúc đào bánh xích hãng XCMG XE600DLL.
- Giấy nhận nợ số 01 kèm theo hợp đồng số 01/2024-HĐCVTL/NHCT846-TA96 ngày 09/01/2024 giữa Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn. Số tiền cam kết cho vay: 720.000.000 VND; thời hạn cho vay: 36 tháng; lãi suất kỳ tính lãi đầu tiên là 6,5% và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng. Mục đích vay: Mua máy móc thiết bị.
- Giấy nhận nợ số 01 kèm theo hợp đồng số 02/2024-HĐCVTL/NHCT846-TA96 ngày 06/06/2024 giữa Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn. Số tiền cam kết cho vay: 15.300.000.000 VND; thời hạn cho vay: 60 tháng; lãi suất kỳ tính lãi đầu tiên là 5,6% và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng. Mục đích vay: Mua tài sản cố định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.18 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	124.197.870.000	15.865.874.484	13.199.938.079	153.263.682.563
Lãi trong năm trước	-	-	23.010.016.598	23.010.016.598
Tạm trích các quỹ năm 2023 (*)	-	4.148.096.482	(8.065.743.160)	(3.917.646.678)
Chia cổ tức năm 2022	-	-	(13.164.974.220)	(13.164.974.220)
Số dư tại 31/12/2023	124.197.870.000	20.013.970.966	14.979.237.297	159.191.078.263
Số dư tại 01/01/2024	124.197.870.000	20.013.970.966	14.979.237.297	159.191.078.263
Lãi trong năm nay	-	-	27.063.996.847	27.063.996.847
Tạm trích các quỹ năm 2024 (**)	-	3.247.796.523	(9.472.739.858)	(6.224.943.335)
Chia cổ tức năm 2023 (*)	-	-	(14.978.263.122)	(14.978.263.122)
Số dư tại 31/12/2024	124.197.870.000	23.261.767.489	17.592.231.164	165.051.868.653

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 20/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2024, lợi nhuận sau thuế năm 2023 được phân phối như sau:

+ Chia cổ tức: 65% lợi nhuận sau thuế;

+ Quỹ đầu tư phát triển: 4.148.096 nghìn VND (đã tạm trích trong năm 2023);

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.571.972 nghìn VND (đã tạm trích trong năm 2023);

+ Quỹ thưởng Ban Điều hành: 345.675 nghìn VND (đã tạm trích trong năm 2023).

(**): Tạm trích theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 20/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2024 được tạm phân phối như sau:

+ Quỹ đầu tư phát triển: 12% lợi nhuận sau thuế.

+ Quỹ khen thưởng phúc lợi: 21,5% lợi nhuận sau thuế.

+ Quỹ thưởng Ban Điều hành: 1,5% lợi nhuận sau thuế.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Thành An	63.343.730.000	63.343.730.000
AMERICA LLC	-	17.301.000.000
Ông Võ Cửu Long	8.413.740.000	2.762.740.000
Các Cổ đông khác	52.440.400.000	40.790.400.000
Tổng	124.197.870.000	124.197.870.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	124.197.870.000	124.197.870.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	124.197.870.000	124.197.870.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.978.263.122	13.164.974.220

d. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.419.787	12.419.787
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.419.787	12.419.787
Cổ phiếu phổ thông	12.419.787	12.419.787
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.419.787	12.419.787
Cổ phiếu phổ thông	12.419.787	12.419.787
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	3.455.603.546.641	2.834.779.376.573
Doanh thu hoạt động khác	-	9.031.717.171
Tổng	3.455.603.546.641	2.843.811.093.744
<i>Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	-	9.031.717.171

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	3.314.045.431.975	2.718.825.662.657
Giá vốn hoạt động khác	-	8.914.840.943
Tổng	3.314.045.431.975	2.727.740.503.600

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.914.221.096	19.219.986.826
Tổng	4.914.221.096	19.219.986.826

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	13.545.877.342	13.311.520.231
Tổng	13.545.877.342	13.311.520.231

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	44.796.624.469	40.514.234.969
Chi phí vật liệu quản lý	5.819.048.682	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.581.635.331	1.860.689.005
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.698.485.899	4.841.637.368
Chi phí dự phòng	(2.906.383.627)	1.375.818.080
Thuế phí và lệ phí	2.765.026.798	195.793.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.665.134.051	29.968.963.807
Chi phí bằng tiền khác	12.711.864.446	14.475.203.689
Tổng	98.131.436.049	93.232.340.166

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	-	7.312.883
Thanh lý công cụ dụng cụ	227.272.727	227.272.727
Thu nhập khác	64.134.889	8.491.291
Tổng	291.407.616	243.076.901
Chi phí khác		
Giá vốn thanh lý vật tư	227.272.727	227.272.727
Chi phí khác	264.245.723	-
Tổng	491.518.450	227.272.727
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(200.110.834)	15.804.174

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.594.911.537	28.762.520.747
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	280.248.031	
<i>Chi phí loại ra khi tính thuế</i>	<i>280.248.031</i>	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	34.875.159.568	28.762.520.747
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	6.975.031.914	5.752.504.149
Thuế TNDN nộp bổ sung của năm trước	555.882.776	-
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	7.530.914.690	5.752.504.149

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.063.996.847	23.010.016.598
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi; thưởng Ban điều hành (*)</i>	<i>(6.224.943.335)</i>	<i>(3.917.646.678)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.839.053.512	19.092.369.920
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	12.419.787	12.419.787
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.678	1.537

(*) Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Ban điều hành năm 2024 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 20/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 thay đổi khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và Ban điều hành.

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.187.682.908.106	1.865.401.061.821
Chi phí nhân công	468.344.489.452	455.984.168.500
Chi phí khấu hao	27.891.568.877	12.942.006.090
Chi phí dự phòng	(2.906.383.627)	1.375.818.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	991.612.681.032	842.961.277.034
Chi phí khác bằng tiền	15.476.891.244	14.670.996.937
Tổng	3.688.102.155.084	3.193.335.328.462

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thành An	Công ty mẹ
Ban Quản lý 11S - Tổng Công ty Thành An	Cùng Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
HDQT, BKS, Ban Giám đốc và thành viên quản lý khác	Thu nhập	5.506.461.483	5.324.586.561

Chi tiết như sau:

Thành viên chủ chốt	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Nguyễn Xuân Hà	Thành viên HDQT	15.878.064	15.151.200
Ông Hoàng Đức Trúc	Thành viên HDQT, Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/3/2025)	570.545.938	557.575.777
Ông Phan Xuân Bằng	Chủ tịch HDQT	559.852.000	550.640.000
Ông Đặng Đình Khiêm	Phó CT HDQT, Giám đốc (Từ ngày 01/3/2025)	522.902.857	519.404.348
Bà Trịnh Thị Thu Hương	Thành viên HDQT, Phó Giám đốc	503.274.737	489.511.663
Ông Trần Đình Ba Ti	Phó Giám đốc	522.902.857	519.404.348
Ông Phạm Văn Lê	Phó Giám đốc	513.868.572	513.169.565
Ông Nguyễn Văn Kháng	Phó Giám đốc	968.035.167	858.157.246
Bà Trần Thị Diệu Thúy	Trưởng BKS	365.349.301	366.497.971
Bà Mai Tổ Loan	Thành viên BKS	269.218.390	246.752.611
Ông Lâm Văn Công	Thành viên BKS	234.400.000	233.088.232
Ông Hoàng Xuân Thơm	Kế toán trưởng	460.233.600	455.233.600
Tổng		5.506.461.483	5.324.586.561

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng		1.989.609.374	3.876.970.983
Tổng Công ty Thành An	Công ty mẹ	1.989.609.374	3.876.970.983
Các khoản phải trả khác		5.562.539.970	7.055.017.313
Tổng Công ty Thành An	Công ty Mẹ	5.562.539.970	7.055.017.313
Các khoản phải thu nội bộ		91.279.971.392	91.936.777.025
Tổng Công ty Thành An	Công ty Mẹ	91.279.971.392	91.936.777.025
Phải thu về cho vay		8.000.000.000	9.000.000.000
Ban Quản lý 11S - Tổng Công ty Thành An	Cùng Công ty Mẹ	8.000.000.000	9.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng		-	9.031.717.171
Tổng Công ty Thành An	Bán hàng	-	9.031.717.171

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Kể từ ngày 01/3/2025, Ông Đặng Đình Khiêm được bổ nhiệm là Giám đốc của Công ty theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQT ngày 27/02/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lập Thành An 96. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được ký bởi Ông Đặng Đình Khiêm - chức danh Giám đốc.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Nguyễn Long An

Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Thơm

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2025



Giám đốc

Đặng Đình Khiêm

TỔNG CÔNG TY THÀNH AN
CÔNG TY CPXL THÀNH AN 96

Số: 150/CTCP-BKS

V/v giải trình lý do chênh lệch LNST trên 10%
BCTC kiểm toán năm 2024 so với BCTC kiểm
toán năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Theo thông tư 96/2020/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Công ty niêm yết phải giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Tại báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 có lợi nhuận sau thuế là: 27.063.996.847 đồng, tăng hơn 17,6% so với năm 2023 (23.010.016.598 đồng).

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 giải trình về lợi nhuận sau thuế năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm trước như sau:

Trong năm 2024, Công ty luôn chủ động, tích cực tìm kiếm việc làm, triển khai lực lượng, tập trung tổ chức thi công các công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ theo hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư. Các chỉ tiêu về Giá trị sản xuất, doanh thu, lợi nhuận đều vượt so với kế hoạch đề ra.

Công ty luôn chú trọng công tác lập hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán các công trình. Năm 2024, Công ty có giá trị doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt: 3.455,6 tỷ đồng cao hơn 21,5% so với doanh thu cùng kỳ năm 2023 (2.843,8 tỷ đồng).

Trong năm, chi phí đầu vào của một số mặt hàng có sự biến động giá lớn như nhiên liệu, cát, đá xây dựng, chi phí nhân công, chi phí vận chuyển... Công ty đã có nhiều biện pháp tích cực, hạn chế tối đa sự ảnh hưởng của biến động giá đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, nên tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần tương đối ổn định.

Doanh thu hoạt động tài chính giảm so với cùng kỳ năm trước với tỷ lệ là: 74,5% (4,9 tỷ đồng/19,2 tỷ đồng) do giảm một lượng tiền mặt từ tạm ứng các hợp đồng để đưa vào sản xuất, mặt khác lãi suất tiền gửi năm 2024 giảm nhiều cũng là nguyên nhân làm cho Doanh thu hoạt động tài chính giảm.

Giá trị doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng trong khi tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần không thay đổi, các chỉ tiêu về Chi phí tài chính, thu nhập khác không có biến động nhiều so với kỳ trước. Vậy, nguyên nhân chủ yếu làm

cho lợi nhuận sau thuế năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ tăng.

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 giải trình để Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các nhà đầu tư được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS; T02.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trịnh Thị Thu Hương